

# KINH ĐẠI TẬP NHỮNG ĐIỀU BỒ-TÁT HƯ KHÔNG TẠNG HỎI PHẬT

## QUYỂN 3

Này thiện nam! Thế nào là Bồ-tát có thể giữ gìn kho báu Phật pháp của Đức Thế Tôn? Này thiện nam! Tạng pháp của Đức Thế Tôn là không cùng tận. Do hành tướng nơi căn tánh của tất cả chúng sinh có vô số sai khác, vì nhằm khiến cho họ được hiểu rõ, nên chư Phật tùy theo bao nhiêu căn tánh sai khác đó mà nói tạng pháp chân thật cũng vô lượng, vô biên ngàn ấy. Vì vậy gọi là kho báu Phật pháp. Lại nữa, từ đêm Như Lai chứng quả Bồ-đề đến đêm Như Lai vào Niết-bàn, tất cả những điều đã nói đều là “như thuyết”, “bất dị thuyết”, “chân thuyết”. Thế nào là “như thuyết”? Giảng đúng theo như pháp Chân như bình đẳng nên gọi là “như thuyết”. Thế nào là “bất dị thuyết”? Các pháp nói ra đều nương theo thẳng nghĩa đế, bình đẳng không khác, nên gọi là “bất dị thuyết”. Thế nào là “chân thuyết”? Chỗ nêu giảng luôn ứng hợp với tự tánh của pháp nên gọi là “chân thuyết”.

Lại nữa, tạng pháp của chư Phật không thể dùng văn tự để nêu bày. Giả sử tất cả chúng sinh đầy khắp trong tam thiên đại thiên thế giới đều như Tôn giả A-nan-đà, học rộng bậc nhất, dù chỉ giảng nói một ít diệu nghĩa nơi tạng pháp thì trong trăm ngàn ức kiếp cũng không thể nói hết. Tạng pháp vô biên của chư Phật như vậy, Bồ-tát đều có thể thọ trì đúng như pháp. Tất cả văn tự đều không thể phế bỏ, nhưng hết thấy ý nghĩa cũng không hề sai khác, Bồ-tát khiến các chúng sinh đều được hoan hỷ, cúng dường phụng sự tất cả chư Như Lai, phá trừ các ma oán, chế ngự hết thấy ngoại đạo, đoạn hết phiền não, hiển bày chánh pháp. Như vậy, này thiện nam! Đó là Bồ-tát giữ gìn kho báu Phật pháp của Đức Thế Tôn.

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát hãy nên thọ trì tự tánh của các pháp mà chư Như Lai đã giác ngộ. Thế nào là tự tánh của các pháp mà chư Như Lai đã giác ngộ? Nghĩa là nhận biết rõ tự tánh của pháp thấy đều như huyễn, nên không có tướng thành tựu, đều như mộng nên không có tướng cảnh giới, đều như dợn nắng nên hoàn toàn không

có tướng sinh, như bóng sáng nên không có tướng di động, cũng như ảnh tượng nên không có tướng của tự tánh. Lại nhận biết tự tánh của không, rốt ráo như sương, biết tự tánh của vô tướng nên không còn phân biệt, biết tự tánh của vô nguyện nên tâm không trụ chấp, biết tự tánh của lìa dục nên xa lìa tất cả tham dục, biết tự tánh của vô vi nên vượt trên các tướng về số lượng. Nay thiện nam! Nói như vậy là để vì người khác mà phân biệt rõ ràng. Như Lai đã hiện chứng tự tánh của pháp ấy, nhưng tướng tánh của pháp kia cũng không thể nào diễn nêu. Nếu muốn thọ trì tạng pháp của chư Phật, Bồ-tát nên thấu rõ tự tánh của các pháp giống như Thế Tôn, rồi dùng ngôn ngữ văn tự, mà thuyết giảng pháp như vậy cho các chúng sinh. Đó là Bồ-tát có thể giữ gìn kho báu chánh pháp của chư Phật.

Nay thiện nam! Thế nào là Bồ-tát biết rõ hữu tình xưa nay vốn thanh tịnh mà làm cho họ được thành tựu đầy đủ? Nay thiện nam! Cảnh giới của chúng sinh xưa nay thường thanh tịnh, nhưng họ không thể đạt được bản tánh vốn có của mình. Nếu muốn làm cho chúng sinh được thành tựu đầy đủ, Bồ-tát nên biết rõ về nguồn gốc thanh tịnh của họ, lại nên nghĩ chúng sinh không có kiến chấp về ngã, không có kiến chấp về chúng sinh, về thọ mạng. Lại nữa, chỗ nói về tên gọi của chúng sinh chỉ là do kiến chấp điên đảo, bị vô minh, ái dục trói buộc, phân biệt hư vọng về các phiền não, không hiểu biết đúng đắn về thật tánh. Bồ-tát nên đoạn trừ tất cả phiền não hư dối, điên đảo và nói pháp như vậy cho các chúng sinh, làm cho họ không bị mất bản tánh, khiến họ hiểu rõ về bản tánh không và giải thoát của mình. Bồ-tát nên làm cho chúng sinh được thành tựu đầy đủ như vậy. Nay thiện nam! Đó là Bồ-tát biết rõ chúng sinh xưa nay vốn thanh tịnh, mà làm cho họ được thành tựu đầy đủ.

Nay thiện nam! Thế nào là Bồ-tát tu tập pháp Phật khéo hợp đúng như lý? Như lý tức là hợp với duyên sinh. Vì sao? Vì nhờ các nhân duyên như thế mà thọ nhận các quả báo như thế. Chẳng hạn như nhờ nhân bố thí mà đạt được quả là giàu có lớn. Vì thế, Bồ-tát thực hành bố thí xong thì nên hồi hướng về trí Nhất thiết trí để thành tựu viên mãn Bồ thí ba-la-mật. Nhờ giữ giới là nhân để được sinh vào cõi trời, người. Bồ-tát làm cho hết thảy các chúng sinh còn nhiễm ô về giới đều được an trú trong giới thanh tịnh. Làm như vậy xong, Bồ-tát cũng nên hồi hướng về trí Nhất thiết trí để thành tựu hoàn hảo Trì giới ba-la-mật. Thân, miệng, ý được trang nghiêm là nhờ nhu hòa, nhẫn nhục. Bồ-tát

thường thực hành tư lợi, lợi tha, không gây náo hại là an trụ nơi nhẫn nhục. Hồi hướng về Nhất thiết trí rồi, là Bồ-tát đã thành tựu trọn đủ Nhẫn nhục ba-la-mật. Có thể thâm tóm được tất cả pháp Phật là nhờ tinh tấn. Bồ-tát nên siêng năng dũng mãnh, chứa nhóm tất cả căn lành, thấy đều hồi hướng về trí Nhất thiết trí rồi, tất được thành tựu trọn vẹn Tinh tấn ba-la-mật. Có trí kiến đúng đắn là nhờ vào thiền định. Vì mong cầu sự hiểu biết chân chánh mà Bồ-tát tu tập Xa-ma-tha làm hành trang. Hồi hướng trọn vẹn về trí Nhất thiết trí rồi, Bồ-tát tất thành tựu đầy đủ Thiền định ba-la-mật. Có trí tuệ lớn là nhờ học rộng, hiểu nhiều. Bồ-tát không chấp giữ vào những điều đã học hỏi. Hồi hướng về trí Nhất thiết trí rồi, Bồ-tát tất thành tựu viên mãn Trí tuệ ba-la-mật. Đối với tất cả pháp lành như thế, Bồ-tát biết rõ về nhân như vậy nên dẫn đến quả như vậy. Đó là nhân duyên nơi tác ý đúng như lý.

Lại nữa, tác ý đúng như lý là gì? Chẳng hạn như tác ý đúng như lý đối với ngã và tất cả các pháp, biết ngã và tất cả các pháp đều không có chủ thể, biết ngã và tất cả các pháp đều là không, là chỉ có giả danh. Bồ-tát tác ý đúng như lý như vậy nên đối với tất cả các pháp đều khế hợp bình đẳng, tức đạt đầy đủ hết thấy pháp Phật. Này thiện nam! Đó là Bồ-tát tu tập pháp Phật khế hợp đúng như lý.

Này thiện nam! Thế nào là thần thông không thoái chuyển của Bồ-tát? Nghĩa là Bồ-tát tự tại đối với tất cả các pháp. Này thiện nam! Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào không từ bỏ kiến chấp về thân mà khởi thần thông thì các vị ấy liền bị thoái lui. Còn Bồ-tát đã phá trừ kiến chấp về thân và bỏ hết sáu mươi hai thứ tà kiến để thực hành thần thông nên gọi là đầy đủ trí tuệ, đầy đủ sự giác ngộ, bố thí, trì giới và thiền định, cũng gọi là thân tâm và trí tuệ đều hoàn toàn giải thoát. Bên trong thì luôn tịch tĩnh, ngoài thì không hề tạo tác, tâm biết khắp tất cả, đạt được mọi mong cầu, khéo quyết định, lựa chọn, tuệ được thanh tịnh hoàn toàn, không còn phiền não như uế, trí sáng suốt không còn bị che lấp, chứa nhóm hành trang về phước, về trí về thiền định chỉ và quán. Nhờ dùng pháp bố thí và trì giới làm trang nghiêm, mặc áo giáp tinh tấn và nhẫn nhục, nương vào thiền định để tu tập trí tuệ, tùy thuận đại Từ, an trú nơi tâm Bi lớn, siêu việt ra ngoài phương tiện để thành tựu pháp như vậy, khởi hiện thần thông vi diệu, bay cao vô ngại, cho đến an tọa nơi đạo tràng Bồ-đề, nhờ thần thông nên tự tại đối với tất cả các pháp. Hiện bày tất cả các sắc, nghe hết thấy mọi âm thanh, hiểu rõ tất cả tâm, nhớ nghĩ về vô lượng kiếp, đạt được tất cả các thần thông diệu dụng, đoạn trừ các lậu, cho đến tùy ý biến hóa đều được tự tại và

không hề chịu sự chi phối của các pháp.

Này thiện nam! Đó là thân thông không thoái chuyển, tự tại đối với tất cả các pháp của Bồ-tát.

Này thiện nam! Thế nào là Bồ-tát hiểu rõ về nghĩa lý sâu xa của pháp Phật mà hàng Thanh văn, Duyên giác rất khó lường xét. Này thiện nam! Sâu xa là nghĩa lý của pháp duyên khởi. Nghĩa là vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sinh, sinh duyên lão tử, ưu bi khổ não, do tập làm nhân, làm duyên nên sinh ra khối lượng khổ lớn và khiến các chúng sinh mãi bị luân hồi, cấu nhiễm. Bồ-tát đối với pháp này biết rõ như vậy. Đó là nghĩa lý của pháp sinh. Thế nào là ý nghĩa của nhân duyên diệt? Nghĩa là vô minh diệt thì hành diệt, hành diệt thì thức diệt, thức diệt thì danh sắc diệt, danh sắc diệt thì lục nhập diệt, lục nhập diệt thì xúc diệt, xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sinh diệt, sinh diệt thì lão tử, ưu bi khổ não cũng diệt. Do nhân duyên diệt nên khối lượng khổ lớn diệt, khiến các chúng sinh đều được thanh tịnh. Đó là ý nghĩa của nhân duyên diệt. Bồ-tát đối với ý nghĩa ấy đã hiểu rõ như vậy. Đó là Bồ-tát hiểu rõ về nghĩa lý sâu xa của Phật pháp, chẳng phải như các hàng Thanh văn, Duyên giác chỉ có thể đạt được thanh tịnh nơi cõi nhiễm ô. Ở trong cảnh giới của chư Phật, Như Lai, nhờ diệu lực nơi oai thần của chư Phật gia hộ, Bồ-tát có thể ở nơi đó mà giác ngộ từng phần. Lại nữa, ý nghĩa sâu xa còn gọi là thân. Thân thanh tịnh nên tất cả các pháp thanh tịnh. Vì sao? Vì muốn suy tìm về nguồn gốc của thân thì không thể nắm bắt được. Do không thể nắm bắt được nên gọi là sâu xa. Chư Phật không hề chấp thủ đối với ngã. Ngã vốn thanh tịnh, như ngã thanh tịnh nên tất cả các pháp cũng thanh tịnh. Vì sao gọi là thanh tịnh? Vì các pháp xưa nay không sinh nên cũng chẳng diệt, nên gọi là thanh tịnh. Lại nữa, không si ám, không sáng tỏ cũng chẳng có A-lại-da (chứa giữ), là thắng nghĩa chân thật nên gọi là sâu xa. Không có nhân diệt, không có ý diệt, cho đến không có cảnh giới. Không có cảnh giới tức là chân thật, là Đệ nhất nghĩa đế tức là sâu xa. Cũng không có tâm ý chấp giữ. Ý nghĩa thù thắng vì rất khó lường, khó thấy, nên không thể hiểu rõ. Tất cả các nghĩa lý sâu xa này của pháp cũng chỉ là giả danh, tùy thuận theo thế tục và vì các chúng sinh mà phân biệt hiển bày. Đó là Bồ-tát hiểu rõ về nghĩa lý

sâu xa của Phật pháp mà tất cả hàng Thanh văn, Duyên giác khó có thể xét lường.

Này thiện nam! Thế nào là Bồ-tát có trí thiện xảo, thông đạt lý duyên khởi nên xa lìa tất cả biên kiến? Này thiện nam! Duyên khởi là không có đối tượng được duyên chính là duyên khởi. Không có sự việc, không có thành tựu là duyên khởi. Vô thường, khổ, vô ngã, tịch tĩnh là duyên khởi. Không ngã, không chúng sinh, không thọ mạng, không nuôi dưỡng, không có phàm phu, không có người, không “nho đồng” là duyên khởi. Không sinh, không khởi là duyên khởi. Không chỗ có, không công dụng, không, vô tướng, tịch tĩnh, không chốn tạo tác, không bàn luận cho nên gọi là pháp không hý luận. Sinh như vậy gọi là sinh, diệt như vậy gọi là diệt. Lại nữa, không có ngã, không chúng sinh, không thọ mạng, không nuôi dưỡng, không phàm phu, không người, không “nho đồng” tức không có pháp nào có thể là duyên sinh. Đối với các pháp ấy, không có ngã, không có chủ thể. Ví như cỏ cây tường vách, hình ảnh tất cả pháp cũng như vậy. Như khi các pháp bên ngoài được sinh ra thì cũng chẳng có sự sinh, khi diệt đi thì cũng chẳng có sự diệt. Pháp bên trong cũng thế, khi sinh ra cũng chẳng có sự sinh, khi diệt đi cũng không có sự diệt. Chỉ trừ pháp duyên khởi chỗ sinh là không thật thiếu duyên nên không diệt. Do khế hợp như vậy nên tất cả biên kiến đều được tiêu trừ.

Thế nào là biên kiến? Biên kiến là chấp đoạn, chấp thường. Bồ-tát đối với pháp khi sinh chẳng thấy sinh, khi diệt chẳng thấy diệt, do không sinh không diệt nên đối với chỗ chấp đoạn, chấp thường tự nhiên thanh tịnh. Vì tự thanh tịnh nên đối với các biên kiến đều được thanh tịnh.

Này thiện nam! Đó là Bồ-tát có trí thiện xảo, thấu đạt lý duyên khởi nên xa lìa tất cả biên kiến.

Này thiện nam! Thế nào là Bồ-tát dùng ấn của Như Lai để ấn chứng pháp Chân như, đạt trí tuệ thiện xảo không gián đoạn?

Này thiện nam! Ấn của Như Lai tức là ấn không gián đoạn, không sinh, không chuyển dời, không chấp giữ, không lay động, không có đối tượng bị lay động. Tất cả hàng Trời, Người, A-tu-la ở thế gian đều không thể làm cho lay động. Vì sao? Vì các hàng Trời, Người, A-tu-la ở thế gian dùng ấn của họ để in dấu, còn ấn của Như Lai là ấn hoàn toàn không sinh, là ấn tánh không rốt ráo, là ấn trọn vẹn không có tướng, ấn hoàn toàn không nguyện, hoàn toàn không tạo tác, hoàn toàn xa lìa tham dục, ấn chân như rốt ráo, chân thật trọn

ven, ấn hoàn toàn như hư không. Nay thiện nam! Ví như trong không trung, dấu ấn không thể hiện bày, ấn của Như Lai đối với năm mắt cũng không hiện bày tương ánh sáng, chỉ dùng ấn tự tương để ấn chứng. Nên, cho đến Thế Tôn diễn nói tất cả các pháp cũng đều dùng ấn của Như Lai để ấn chứng các pháp ấy. Đó là sự nêu bày. Tất cả thức và cảnh giới nơi các pháp đều là pháp tạo tác, tuy có sự sắp đặt nhưng đối với các pháp ấy không hề có các tướng về sự sắp đặt. Bồ-tát dùng ấn chân như để ấn chứng không hề gián đoạn đối với các pháp.

Thế nào là gián đoạn đối với chân như? Nếu phân biệt các pháp, thấy có thượng, trung, hạ gọi là gián đoạn. Nếu không phân biệt đối với các pháp, gọi là không gián đoạn. Lại nữa, nếu từ nhiều sự khác nhau mà sinh ra phân biệt thì pháp chân như cũng chẳng bị hư hoại và rối loạn. Ví như chúng sinh có đi được trong hư không thì hư không cũng chẳng bị hư hoại. Như vậy, tất cả chúng sinh có tạo tác trong pháp chân như thì chân như ấy cũng không bị hư hoại. Đó là Bồ-tát dùng ấn Như Lai để ấn chứng pháp chân như, đạt trí tuệ thiện xảo không gián đoạn.

Nay thiện nam! Thế nào là Bồ-tát thâm nhập nơi nghĩa lý sâu xa của pháp giới? Bồ-tát thấy tất cả pháp và các pháp giới đều cùng khắp, đều cùng một tánh bình đẳng. Pháp giới cũng gọi là cảnh giới lìa dục vì lìa hết mọi trần cảnh. Cũng gọi là cõi chúng sinh vì không có chứa nhóm, gọi là cõi không chống trái vì vốn không sinh, gọi là cõi không đi vì không gì làm tương quan, là cõi không đến vì không gì làm ngăn ngại, là cõi không trụ vì không có sinh khởi, là cõi như như vì ba đời đều bình đẳng, là cõi vô ngã vì xưa nay luôn thanh tịnh, là cõi không “thọ giả” do nghĩa lý sâu xa vượt hẳn thế tục, là cõi không phân biệt vì không có chỗ trụ, là cõi không có A-lại-da vì không nhiễm ô, là cõi không sinh khởi vì tánh thường quyết định, là cõi như hư không vì tánh nó thanh tịnh, là cõi như Niết-bàn vì không có hý luận. Đó gọi là thâm nhập nơi nghĩa lý của pháp giới. Nếu Bồ-tát vào sâu nghĩa lý ấy thì mọi lời giảng nói đều cùng với nghĩa lý của pháp giới bao trùm khắp. Vì thế liền biết cõi Dục và pháp giới là không hai, không khác. Lại nữa, pháp giới nơi tánh của tham dục, pháp giới nơi tánh của sân là không hai; tánh của sân hận, tánh của si mê và pháp giới là không khác; tánh của si, tánh của phiền não và pháp giới là không hai; tánh của phiền não, tánh của cõi Dục và pháp giới là không khác; tánh của cõi Dục, tánh của cõi Sắc và pháp giới là không

hai; tánh của cõi Sắc, tánh của cõi Vô sắc và pháp giới là không khác; tánh của cõi Vô sắc, tánh không và pháp giới là không hai; tánh của không, tánh của nhãn giới và pháp giới là không khác; tánh của nhãn giới, tánh của sắc và pháp giới là không hai; tánh của sắc, tánh của nhãn thức giới và pháp giới là không khác; tánh của nhãn thức giới, cho đến tánh của ý giới và pháp giới là không khác; tánh của ý giới, ý thức giới và pháp giới là không khác; tánh của ý thức giới, uẩn giới và pháp giới là không hai; tánh của uẩn giới, địa, thủy, hỏa, phong giới và pháp giới là không khác cho đến uẩn, hành của tám vạn bốn ngàn pháp, tất cả các pháp và pháp giới đều là không hai, không khác. Nếu Bồ-tát dùng trí bình đẳng nhập vào pháp giới với tánh của tất cả pháp như thế thì sẽ thấy ý nghĩa nơi tánh bình đẳng của tất cả các pháp. Nay thiện nam! Đó là Bồ-tát thâm nhập nơi nghĩa lý sâu xa của pháp giới.

Này thiện nam! Thế nào là Bồ-tát có chí nguyện bền chắc như kim cương, an trú không lay động trong pháp Đại thừa? Nay thiện nam! Bồ-tát thành tựu mười hai thứ pháp đạt chí nguyện bền chắc như kim cương, không hề bị hàng trời, người ở thế gian hủy hoại. Mười hai pháp ấy là gì? Nghĩa là phát tâm Bồ-đề, ý lạc tăng thượng, không hủy hoại, tu hành bố thí, trì giới, tinh tấn, nhẫn nhục, thiền định và trí tuệ không hủy hoại, đại Từ, đại Bi không hủy hoại, tu bốn Nhiếp pháp không hủy hoại, tạo cho chúng sinh được thành tựu đầy đủ không hủy hoại, làm thanh tịnh cõi Phật không hủy hoại, không lo sợ đối với sinh tử không hủy hoại, tu tập các căn lành không nhằm chán, không hủy hoại, vì trang nghiêm các tướng hảo mà thiết lập pháp hội bố thí rộng lớn không bị hủy hoại, vì ủng hộ chánh pháp mà xả bỏ thân mạng không hủy hoại, có căn lành gì cũng đều thực hành, hồi hướng cho tất cả chúng sinh không hủy hoại, chứa nhóm tất cả pháp Phật không hủy hoại. Nay thiện nam! Nếu Bồ-tát đối với các pháp tu hành kiên cố như vậy, nên biết bấy giờ, Bồ-tát đã đạt được chí nguyện bền chắc như kim cương, không thể hủy hoại. Như ngọc quý kim cương có thể phá vỡ các vật báu khác, mà tự thể nó không bị hủy hoại, Bồ-tát thành tựu chí nguyện bền chắc cũng như vậy, có thể diệt trừ các loại phiền não của chúng sinh, nhưng tự thể không bị hủy hoại. Nay thiện nam! Đó là Bồ-tát thành tựu chí nguyện bền chắc như kim cương, an trú không lay động trong pháp Đại thừa.

Này thiện nam! Thế nào là Bồ-tát ở nơi cảnh giới của mình đạt được thanh tịnh như cảnh giới của Phật? Nay thiện nam! Cảnh giới của

Phật tức không có cảnh giới, vì là cảnh giới nên tất cả đều thanh tịnh. Bồ-tát do từ cảnh giới của mình và cảnh giới của Phật thấy đều thanh tịnh, nên cảnh giới của mắt thanh tịnh tức là cảnh giới của Phật, mà cũng chẳng phải là cảnh giới của Phật. Cảnh giới của mắt là không gần cũng chẳng xa. Vì sao? Vì cảnh giới thanh tịnh cùng với cảnh giới của Phật, cũng không phải là cảnh giới thanh tịnh và cảnh giới của mắt. Cảnh giới của tai là cảnh giới của Phật, cũng chẳng là cảnh giới của Phật, cũng không có gần xa. Vì sao? Vì cảnh giới thanh tịnh cùng với cảnh giới của Phật cũng không phải là cảnh giới thanh tịnh và cảnh giới của tai. Cảnh giới của mũi là cảnh giới của Phật, mà cũng chẳng là cảnh giới của Phật, không gần cũng chẳng xa. Vì sao? Vì cảnh giới thanh tịnh cùng với cảnh giới của Phật không phải là cảnh giới thanh tịnh và cảnh giới của Phật. Cảnh giới của lưỡi tức là cảnh giới của Phật, cũng không phải là cảnh giới của Phật, không có gần xa. Vì sao? Vì cảnh giới thanh tịnh cùng với cảnh giới của Phật, cũng không phải là cảnh giới thanh tịnh và cảnh giới của lưỡi. Cảnh giới của thân là cảnh giới của Phật, cũng không phải là cảnh giới của Phật, không có gần xa. Vì sao? Vì cảnh giới thanh tịnh cùng với cảnh giới của Phật, cũng không phải là cảnh giới thanh tịnh và cảnh giới của thân. Cảnh giới của ý là cảnh giới của Phật, cũng không phải là cảnh giới của Phật, chẳng gần, chẳng xa. Vì sao? Vì cảnh giới thanh tịnh cùng với cảnh giới của Phật cũng không phải là cảnh giới thanh tịnh và cảnh giới của ý cho đến uẩn, xứ, giới, mười hai nhân duyên cũng vậy. Nay thiện nam! Như Bồ-tát hội nhập nơi cảnh giới của Phật, hội nhập nơi cảnh giới thanh tịnh và tất cả các cảnh giới, nếu cảnh giới của mình được bình đẳng thanh tịnh, đó tức là nhập vào cảnh giới của Phật. Như vậy, tất cả các hình ảnh biểu hiện nơi sáu loại cảnh giới của Bồ-tát đều là nhập vào cảnh giới của Phật, vì thấy đều thanh tịnh, không còn chấp giữ. Như thế cảnh giới của Như Lai không cấu nhiễm, không chướng ngại, tất cả các cảnh giới cũng vậy. Nay thiện nam! Người thông hiểu như vậy được gọi là Bồ-tát hội nhập vào cảnh giới Phật thanh tịnh, thành tựu cảnh giới của tự thân cũng được thanh tịnh.

Nay thiện nam! Thế nào là Bồ-tát đạt được Đà-la-ni, không quên mất pháp hành? Nay thiện nam! Bồ-tát nên tu trì Đà-la-ni này, lấy đó làm sự nghiệp. Thế nào là tu trì? Nay thiện nam! Có ba mươi hai pháp tu Đà-la-ni. Đó là: Cầu pháp, ưa thích pháp, an trú trong vườn pháp, theo sự kế truyền của pháp, tùy thuận theo pháp, tôn trọng pháp, hầu



hạ cúng dường bậc Đa văn, luôn luôn không ngã mạn, cung kính cúng dường các bậc Hòa thượng, A-xà-lê, cầu pháp không hề chán, vâng lời không trái nghịch đối với thầy dạy; đối với người thuyết pháp, cung kính xem như Phật, không tìm tòi chỗ kém dở của họ; thọ trì tất cả những pháp đã được nghe, không biếng nhác, không bồn sển nơi pháp, thực hành bố thí pháp không mong báo đáp, tác ý như lý đối với pháp được nghe, khéo quan sát pháp được nghe, mong cầu học rộng hiểu nhiều, không có giới hạn, tu hành không ngừng nghỉ đối với phạm hạnh, thường ưa xa lìa chỗ ồn náo, tâm luôn tịch tĩnh, luôn chuyên cần tu tập sáu pháp tùy niệm, diệt trừ sáu tâm vọng nhiễm, dốc giữ gìn sáu pháp hòa kính, khởi tâm không làm trở ngại đối với tất cả chúng sinh, tu hành thuận theo pháp duyên sinh; đối với ba môn giải thoát, luôn tác ý quan sát, không hề sợ hãi, không bỏ hạt giống Thánh và công đức nơi hạnh Đầu-đà; hộ trì chánh pháp, tâm không thấp kém; quan sát và khởi lòng đại Bi đối với chúng sinh; dốc cầu chánh pháp, chẳng tiếc thân mạng; tu hành theo trí tuệ lớn, xa lìa si mê; làm cho chúng sinh được thành tựu đầy đủ không biết mệt mỏi. Đó gọi là tu hành pháp Đà-la-ni không quên mất sự nghiệp.

Lại nữa, này thiện nam! Nếu Bồ-tát đạt được các pháp Đà-la-ni này rồi, đối với những lời Phật dạy, đều có thể thọ trì đầy đủ, không hề quên sót, nghĩa là ghi nhớ hết những pháp đã được nghe. Nhờ nhớ kỹ nên không quên, do xả nên giác ngộ, dùng trí tuệ chiếu soi, nên Bồ-tát hội nhập về tất cả các văn tự vô tận, đạt được trí tuệ, khéo hiểu rõ từng loại âm thanh, ngôn ngữ, đạt được trí tuệ biện tài vô ngại, diễn nói thông suốt, đạt trí hiểu rõ nghĩa lý của các kinh liễu nghĩa và không liễu nghĩa, đạt trí diễn nói không cùng tận cho thế gian, diễn nói không gián đoạn về nghĩa lý thù thắng, trí không thoái lui đối với tinh tấn chân chánh, trí tự tại đối với bốn Thần túc, trí sai biệt đối với các căn, trí không lay động đối với các lực, trí được khai ngộ đối với bảy Giác chi, trí được hội nhập vào nghĩa lý của tám Thánh đạo, trí an trụ tâm trong Xa-ma-tha, trí quyết định trong Tỳ-bát-xa-na, trí tùy thuận theo trí giải thoát, trí thâm nhập các biện tài, trí sinh khởi các thần thông, trí phân biệt các pháp Ba-la-mật, trí tùy thuận căn cơ đối với bốn Nhiếp pháp, trí biết được các loại ngôn ngữ, âm thanh, trí chọn lựa các pháp quyết định, trí không gián đoạn đối với ý nghĩa nơi các kinh, trí không cùng tận đối với các loại văn tự, trí hoan hỷ đối với các chúng sinh, trí thuyết pháp phù hợp với căn cơ cho những người cầu pháp, trí ghi nhớ, thọ trì những lời Phật dạy, trí

hiểu rõ lời lẽ, câu chương đối với tất cả lời nói, trí biết đúng như thật đối với các sự như ướ và thanh tịnh, trí hiểu rõ quả báo của các nghiệp duyên, trí sáng suốt không bị che lấp nơi hết thủy pháp. Như vậy gọi là Đà-la-ni. Người đạt được Đà-la-ni, thân, miệng, ý đều bình đẳng rồi thì có thể tuôn xuống mưa pháp vô tận, dứt trừ các phiền não và làm phát sinh pháp của tất cả chư Phật. Do thấu đạt nghĩa lý sâu xa của Đà-la-ni này nên Bồ-tát luôn luôn không hề quên mất. Đó là Bồ-tát đạt Đà-la-ni không quên mất pháp hành.

Này thiện nam! Thế nào là Bồ-tát đạt biện tài vô ngại, được Như Lai gia hộ?

Này thiện nam! Bồ-tát thường nhờ ân nơi chư Phật gia hộ mà đạt được hai mươi bốn loại biện tài vô ngại. Hai mươi bốn loại ấy là gì? Nghĩa là biện tài nhanh nhẹn, biện tài lưu loát, biện tài không gì trở ngại, biện tài thông suốt, biện tài khéo léo, biện tài sâu xa, biện tài không nói lời nhảm lẫn, biện tài với nghĩa thù thắng vi diệu trang nghiêm, biện tài không chìm đắm, biện tài không sợ hãi, biện tài về vô số bài kệ khen ngợi, biện tài về duyên khởi, biện tài về bản sự của kinh, biện tài thắng được người khác, biện tài về vô số ý nghĩa khác nhau, biện tài hiển hiện sự vi diệu, biện tài về oai đức trang nghiêm, biện tài về thuyết pháp không gián đoạn, biện tài về sự trang nghiêm của cõi trời, biện tài đoạn trừ các nghi ngờ, biện tài về pháp thế gian và xuất thế gian, biện tài không lỗi lầm, biện tài về các tâm Từ, Bi, Hỷ, Xả có thể đưa đến an lạc, biện tài về túc mạng thông, biện tài được chư Phật gia hộ.

Này thiện nam! Hai mươi bốn loại biện tài như vậy, là do tu tập hai mươi bốn loại nghiệp mà được thành tựu. Hai mươi bốn loại nghiệp ấy là gì? Này thiện nam! Nghĩa là do không trái nghịch với lời dạy của bậc thầy nên đạt biện tài nhanh nhẹn, xưa nay không đua nịnh nên đạt được biện tài lưu loát, xa lìa các phiền não nên đạt được biện tài không gì trở ngại, không thích sống ở nơi hỗn tạp nên đạt được biện tài thông suốt, không nói lời ly gián nên đạt được biện tài với từ ngữ khéo léo, giác ngộ pháp duyên sinh nên đạt được biện tài sâu xa, nhờ bố thí tất cả nên đạt được biện tài không nói lời nhảm lẫn, trang trí tháp miếu thờ chư Phật nên được biện tài thù thắng vi diệu, trang nghiêm, không bỏ tâm Bồ-đề nên được biện tài không chìm đắm, nhờ giữ giới hoàn hảo nên được biện tài không sợ hãi, dùng các loại cờ, phướn, linh, lọng để cúng dường nên được biện tài về diễn nói vô số kệ khen ngợi; hầu hạ,

cung kính, cúng dường các bậc thầy nên được biện tài về diễn nói duyên khởi, bản sự của kinh; không làm khó dễ, bức ngặt các chúng sinh nghèo nàn, thiếu thốn nên đạt được biện tài thắng được người khác; bố thí pháp tạng vô tận, khiến người được lãnh hội Phật pháp, nên được biện tài về diễn giảng vô số ý nghĩa khác nhau; nói năng chân thật không thô lỗ, nên được biện tài biểu hiện mọi sự huyền diệu; đối với mọi người không chê bai, chia rẽ mà luôn kính trọng nên được biện tài về oai đức đoan chánh; tự mình an trụ trong pháp nên được biện tài diễn giảng pháp thông suốt; không chê bai người khác, bố thí những vật chính mình ưa thích với tâm hoan hỷ nên được biện tài trang nghiêm của cõi trời; đối với pháp không có thầy thì giữ gìn như đã lãnh hội, nên được biện tài đoạn trừ tất cả nghi ngờ; xem tất cả đều như bậc sư trưởng, không làm cho họ buồn khổ, bố thí thuốc cho người bệnh, nên được biện tài về pháp thế gian và xuất thế gian; không tìm lỗi lầm của người khác, luôn suy xét về chính mình nên được biện tài không lỗi lầm; dùng tâm bình đẳng để quán xét về tất cả chúng sinh đều đạt quả vị Niết-bàn, không tham đắm các thứ như lợi dưỡng, sự cung kính và tiếng khen, nên được biện tài về Từ, Bi, Hỷ, Xả, khiến tâm chúng sinh luôn an vui; khéo dùng lời nói mềm mỏng để thuyết giảng về pháp tu hành, tâm không loạn động nên được biện tài về túc mạng thông; không chê bai pháp Đại thừa cũng không ưa thích pháp Tiểu thừa, Từ bi với tất cả chúng sinh nên đạt biện tài được Phật hộ trì. Đó gọi là hai mươi bốn loại nghiệp để thành tựu hai mươi bốn loại biện tài.

Lại nữa, vì muốn cho chúng sinh được giải thoát nên gọi là biện tài. Vì sự an trú của chúng sinh nên luôn thức tỉnh họ, gọi là biện tài. Vì muốn chúng sinh luôn hoan hỷ nên gọi là biện tài. Có thiện nam nào thành tựu về trí tuệ và pháp công đức như thế thì gọi là Bồ-tát đạt biện tài vô ngại, được Phật gia hộ.

Này thiện nam! Thế nào là Bồ-tát được tự tại trong sinh tử? Đó là Bồ-tát thành tựu hai mươi pháp nên được tự tại trong sinh tử. Thế nào là hai mươi pháp? Nghĩa là xa lìa bạn ác, gần gũi bạn lành, có tri kiến thanh tịnh về pháp của Đức Phật, thanh tịnh về giới, từ thiện định phát sinh trí tuệ để cùng làm phương tiện tu tập, đạt được thần thông không thoái lui, quan sát các pháp là vô sinh, vì để hoàn thành thệ nguyện ở trong sinh tử nên thọ sinh, quán xét các chúng sinh nên phát sinh lòng từ rộng lớn, dùng định đại Bi để xét rõ về các pháp là huyền hóa, biết tất cả pháp là không sinh, diệt, quan sát đúng như thật về pháp không

hư vọng, pháp có tánh như mộng, được oai thần của Phật gia hộ nên thị hiện trong sinh tử mà không bị chìm đắm theo sinh tử. Đó là hai mươi pháp. Bồ-tát nào thành tựu hai mươi pháp ấy thì ở những nơi thọ sinh trong vô lượng, vô số kiếp đều thị hiện thân hình để làm lợi ích cho tất cả chúng sinh. Nay thiện nam! Tất cả pháp như thế đều được kiến lập từ hai mươi loại căn bản này, nghĩa là căn bản của Thần thông, Trí tuệ và Từ bi. Đó gọi là Bồ-tát đạt được thần thông nên tự tại trong sinh tử.

Nay thiện nam! Thế nào là Bồ-tát hàng phục ma oán, vượt qua bốn thứ ma?

Nay thiện nam! Có Bồ-tát nào dùng trí như huyễn, thông đạt về năm uẩn và tất cả các pháp đều như huyễn hóa thì vượt qua uẩn ma. Thông đạt về bản tánh thanh tịnh của các pháp thì vượt qua phiền não ma. Thông đạt về duyên khởi thì vượt qua tử ma. Tâm Bồ-đề không thoái lui thì vượt qua thiên ma. Lại nữa, nhờ quan sát như vậy nên Bồ-tát đoạn trừ hết các chướng ngại, ngăn chặn tất cả các thứ ma và việc làm của ma. Thế nào là việc làm của ma? Nghĩa là ưa thích pháp Tiểu thừa là việc làm của ma. Không giữ gìn tâm Bồ-đề là việc làm của ma. Thực hành bố thí mà còn phân biệt đối với các chúng sinh là việc làm của ma. Vì thích mong cầu nơi thọ sinh nên trì giới là việc làm của ma. Vì cầu sắc tướng mà tu nhẫn nhục là việc làm của ma. Thực hiện các việc thế gian mà tương ứng với tinh tấn là việc làm của ma. Tham đắm nơi thiền vị là việc làm của ma. Dùng trí tuệ để nhằm chán đối với pháp thấp kém là việc làm của ma. Ở trong sinh tử mà có sự mỗi một là việc làm của ma. Tạo các căn lành mà không hồi hướng là việc làm của ma. Chán lìa phiền não là việc làm của ma. Che giấu tội lỗi đã tạo là việc làm của ma. Oán ghét Bồ-tát là việc làm của ma. Phỉ báng chánh pháp là việc làm của ma. Quên ân nghĩa, không đền đáp là việc làm của ma. Không cầu các Độ là việc làm của ma. Không tôn trọng chánh pháp là việc làm của ma. Bỏ sển đối với pháp là việc làm của ma. Vì mong cầu lợi dưỡng mà thuyết pháp là việc làm của ma. Lìa bỏ các phương tiện để giáo hóa chúng sinh là việc làm của ma. Bỏ bốn Nhiếp pháp là việc làm của ma. Hủy phạm giới cấm là việc làm của ma. Khinh chê người trì giới là việc làm của ma. Thuận theo hạnh Thanh văn là việc làm của ma. Tùy thuận thừa Duyên giác là việc làm của ma. Chỉ cầu pháp vô vi là việc làm của ma. Nhằm chán pháp hữu vi là việc làm của ma. Tâm luôn nghi hoặc, không tạo lợi ích cho chúng sinh là việc làm của ma. Ưa nghi ngờ những điều đã nghe, không chịu

tác ý như lý để thông đạt là việc làm của ma. Thích sự dối trá, giả hiện bày thương xót là việc làm của ma. Mắng nhiếc, hung dữ là việc làm của ma. Tạo tội mà không chán bỏ là việc làm của ma. Chấp giữ nơi pháp của tự thân là việc làm của ma. Mới nghe một ít đã cho là đủ là việc làm của ma. Không siêng năng cầu chánh pháp là việc làm của ma. Ưu thích cầu phi pháp là việc làm của ma. Không thích đối trị sự trói buộc của phiền não là việc làm của ma. Tâm và miệng không thanh tịnh là việc làm của ma. Chấp nhận sự cấu nhiễm của Sa-môn là việc làm của ma.

Này thiện nam! Như vậy, cho đến ưa thích, thực hành mười nghiệp bất thiện, bỏ các pháp lành... tất cả đều là việc làm của ma. Bồ-tát thành tựu bốn pháp thì có thể vượt qua các việc làm của ma. Những gì là bốn? Nghĩa là: Không quên mất tâm Bồ-đề, nên chuyên cần tu tập sáu Độ. Không buông lung, an trú trong trí thiện xảo làm cho các chúng sinh được thành tựu, hiểu được nghĩa lý sâu xa, hộ trì chánh pháp.

Này thiện nam! Nếu Bồ-tát khéo hợp với pháp này thì chắc chắn có thể diệt trừ tất cả các ma oán. Đó là Bồ-tát vượt khỏi bốn thứ ma.

Này thiện nam! Thế nào là Bồ-tát chứa nhóm vô lượng hành trang về phước đức, làm nơi nương tựa cho các chúng sinh?

Này thiện nam! Nếu Bồ-tát đối với tất cả chúng sinh, khởi tâm đại Bi đồng thể, an trú trong thiền định, thấy có người nào đến cầu xin điều gì cũng đều ban cho. Với đôi tay quý báu, phước đức vô tận, Bồ-tát ban cho chúng sinh tất cả những gì họ cần, chí nguyện của chư vị rất thanh tịnh, tâm như mặt đất bằng phẳng, chẳng còn phân biệt cao thấp, mong muốn cho tất cả chúng sinh đều được giàu có, lợi ích. Vì giữ giới thanh tịnh nên tâm không còn gì vướng mắc, khéo hộ trì các căn, lại có thể thực hiện trọn vẹn tất cả sự bố thí, đạt Đà-la-ni, thành tựu biện tài, Bồ-tát đem những sự chứa nhóm căn lành như thế mà hồi hướng về quả vị Bồ-đề và cho tất cả chúng sinh. Giống như bốn đại bên ngoài, là nơi nương tựa của tất cả thế gian, bốn đại bên trong là chỗ nương nhờ để tồn tại của hết thảy các loài, Bồ-tát suy nghĩ: “Tất cả những căn lành, pháp, trí và sự thiện xảo mà ta đã chứa nhóm, không một pháp nào mà không là nơi nương tựa cho chúng sinh.” Đó là Bồ-tát đạt được vô lượng hành trang về phước đức, làm nơi nương tựa cho các chúng sinh.

Này thiện nam! Thế nào là Bồ-tát xuất hiện ở đời không có Phật, vì các chúng sinh làm các Phật sự?

Này thiện nam! Bồ-tát vì để phát sinh Trí thị xứ, Trí phi xứ mà tu hành mười Lực, vì để phát sinh trí lậu tận mà tu hành bốn Vô úy, vì để

tạo ra ba mươi trí vô ngại mà tu hành mười tám pháp bất cộng, vì làm phát sinh. Phật nhãn sáng tỏ mà tu hành năm thứ nhãn nhận biết tất cả, vì để phát sinh tất cả thần thông mà tu hành túc mạng thông, vì để thành tựu Bồ-đề viên mãn mà tu hành đầy đủ hết thảy các pháp lành, đoạn trừ các phiền não của thân, miệng, ý, vì để phát sinh các tướng hảo trang nghiêm mà tu hành tất cả các thứ phước đức, vì để đạt đến mười Địa, tiếp nhận được tất cả các pháp Phật mà tu hành hết thảy các sự nghiệp trí tuệ. Như vậy, này thiện nam, nếu Bồ-tát tu hành đầy đủ các pháp ấy rồi thì có thể ở đời không có Phật, vì các chúng sinh mà thực hành các Phật sự, làm cho họ được thành tựu đầy đủ.

Này thiện nam! Thế nào là Bồ-tát đạt định Hải ấn, không đắm nhiễm theo các sự tạo tác nơi tâm, của tất cả chúng sinh?

Này thiện nam! Vì sao gọi là định Hải ấn? Ví như ở cõi Diêm-phù-đề, bao nhiêu chủng loại, hình sắc của tất cả chúng sinh đều hiện ra các hình tướng trong biển, nên gọi là biển lớn. Tất cả các hình sắc của tâm cho đến âm thanh của bao nhiêu chúng sinh như vậy, đều hiện rõ trong biển tâm của Bồ-tát. Vì vậy gọi là định Hải ấn. Ví như nước trong biển lớn chỉ thuần một vị mặn, trí tuệ của Bồ-tát cũng như vậy chỉ thuần một pháp vị giải thoát. Ví như biển cả, giới hạn của thủy triều, không thể vượt qua Bồ-tát cũng vậy, quan sát biết đúng thời hay không đúng thời đều không vượt qua thời điểm ngôi nơi đạo tràng thành tựu đạo Bồ-đề. Ví như biển lớn không chứa thây chết, Bồ-tát cũng vậy, không cùng chung với tất cả các tập khí phiền não và các tâm nơi hàng Thanh văn, Duyên giác. Ví như biển cả dung chứa hàng vạn dòng nước nhưng vẫn không tăng không giảm, Bồ-tát cũng như vậy, thấu nhận tất cả các pháp nhưng cũng không tăng không giảm. Ví như biển cả rộng lớn không bờ bến, diệu dụng về tuệ của Bồ-tát cũng vô biên như vậy. Ví như biển lớn sâu thẳm không đáy, biển trí của Bồ-tát cũng vậy, tất cả hàng Thanh văn, Duyên giác đều không thể suy lường nổi. Ví như biển cả có thể làm nơi nương tựa cho vô lượng thế giới, Bồ-tát cũng vậy làm nơi nương tựa cho tất cả chúng sinh.

Này thiện nam! Đó là Bồ-tát khéo nhập vào định Hải ấn, không vướng mắc vào sự tạo tác nơi tâm của tất cả chúng sinh.

Này thiện nam! Thế nào là Bồ-tát đạt tâm không vướng mắc như hư không, không thể bị gió làm trở ngại?

Này thiện nam! Bồ-tát đối với tất cả các pháp, không còn bị các kiến chấp trói buộc, tâm không vướng bận. Ví như hư không không thể

---

bị vướng mắc do ngọn gió lớn, Bồ-tát cũng như vậy đối với tất cả các pháp, tâm không bị vướng mắc. Đó là Bồ-tát tâm không chấp giữ như hư không không bị gió làm chướng ngại.

